

かいてき・あんしん せいかつ にほんご こうざ

1 Hãy trả lời các câu hỏi sau đây アンケートベトナム語

Họ Tên (name) _____

Câu hỏi

1. Nơi bạn sinh ra ở đâu ?
2. Có đối tượng (chồng /vợ) hay không ? Có phải là người Nhật không ?
3. Hiện tại đang sống cùng với ai ? Đánh dấu ○ vào chỗ thích hợp .
① Cha ruột ② Mẹ ruột ③ Đối tượng (chồng /vợ)
④ Trẻ con _____ số người ⑤ Cha của đối tượng ⑥ Mẹ của đối tượng
⑦ Anh chị em của đối tượng _____ người ⑧ Anh chị em của mình _____ người
⑨ Ngoài ra _____
4. Hãy viết ra tất cả những ngoại ngữ mà bạn có thể nói được .
5. Sở thích của bạn ?
6. Bạn thích những món ăn gì ?
7. Bạn thích những môn thể thao gì ?

かいてき・あんしん せいかつ にほんご こうざ

8. Bạn sống ở Okinawa đã mấy năm rồi?

9. Ở Okinawa , bạn thích nơi nào nhất?

10. Bạn có sử dụng tiếng Nhật mỗi ngày không ?

11. Bạn muốn học cái gì nhất ?

- ① Cách nói ② Cách đọc ③ Cách viết ④ Cách nghe ⑤ Chữ Hán
⑥ Từ Katakana ⑦ Cách nói lịch sự , lễ phép ⑧ Văn phạm
⑨ Nói về Okinawa ⑩ Ngoài ra _____

12. Bạn đã thi kiểm tra khả năng tiếng Nhật (JLPT) bao giờ chưa ?

Có

Không

→ {
 Lúc nào? năm _____
 Cấp bậc nào ? cấp 5 cấp 4 cấp 3 cấp 2 cấp 1
 N5 N4 N3 N2 N1
 Mấy điểm: _____ điểm Đâu / Rót

Hãy viết bất cứ điều gì mà bạn muốn nói với mọi người .

2.じこ しょうかい ベトナム語

Watashi no namae wa
わたしの なまえは
Tên tôi là

desu.
です。

Tôi là từ

Kara kimashita.
から きました。

Ima
いま
Bây giờ, tôi sống ở

ni sundeimasu.
に すんでいます。

Làm việc tại

de hataraitte imasu
で はたらいています。

shigoto wa shiteimasen.
しごとは していません。
Nó sẽ không làm việc.

Douzo yoroshiku onegaishimasu.
どうぞ よろしく おねがいします。
Xin vui lòng, cảm ơn bạn.

2A Lúc gọi xe cứu thương

きゅうきゅうしゃをよぶとき ベトナム語

Đây là số 119 。



Cháy nhà (hỏa hoạn) hay là cấp cứu vậy ?

Là cấp cứu ạ

Nơi xảy ra tai nạn ở đâu vậy ?

Naha-shi Nishi 2-Chome trước Kombini ạ 。

Gần khách sạn ROWAJIRU ạ 。

Có vấn đề gì vậy ?

Có người bị té ngã bên đường đây ạ 。



Có còn tỉnh táo hay không ?

Có ạ / Không có động tĩnh gì cả 。

Có hít thở được không ?

Dạ có hít thở được ạ 。

Người này khoảng bao nhiêu tuổi vậy ?

Khoảng 50 tuổi ạ 。



Xin anh / chị cho biết tên và cách liên lạc

Tôi tên là Okinawa Hanako 。

Số điện thoại là 090- ****-****

Đã hiểu rõ rồi

Xin vui lòng ở đó đợi chúng tôi đến 。



2B Những bảng ghi trong bệnh viện 病院の言葉 ベトナム語



Nơi đăng ký
khám bệnh lần
đầu tiên

初診

khám lần đầu tiên

再診

nơi đăng ký
tái khám

tái khám lại
(lần thứ 2 trở đi)

入院手続

nơi đăng ký
xuất nhập viện

làm thủ tục
nhập viện

会計

Kế toán (nơi trả tiền)

総合案内

Nơi hướng dẫn toàn diện (khi không biết điều gì)



Từ 1~5: Nội khoa

Từ 1~5: là khu khám bệnh của Nội khoa

6: Trung tâm các phòng điều trị
(chẩn bệnh, điều trị, vô nước biển)

6 là nơi trước hoặc sau khi Bác sĩ khám bệnh, sẽ thực hành
những việc như là đo huyết áp, lấy mẫu máu để thử
nghiệm, hoặc là tiếp nước

5F 病棟 501-531

4F 病棟 401-423

3F 血液浄化センター 手術室 医局
理事長室 院長室 副院長室
看護部長室 事務長室 事務部

2F 健康管理センター (人間ドック・一般健診)
内視鏡センター リハビリテーション室
メディカルフィットネス (テニスコート) 多目的室

1F 総合受付 医事課 薬剤部
内科 外科 整形外科 リウマチ科
泌尿器科 ペインクリニック科
皮膚科 総合内科 血液内科
救急処置室
中央処置室 (問診 処置 点滴)

lầu 5 phòng bệnh nhân từ 501 ~ 531

lầu 4 phòng bệnh nhân từ 401 ~ 423

lầu 3 trung tâm lọc máu, phòng mổ, cục y tá,
cùng các văn phòng hành chính trong nội bộ

lầu 2 Trung tâm quản lý sức khỏe
(khoa kiểm tra tổng quát, khoa khám thường)
Trung tâm Nội soi, phòng phục hồi chức năng
Phòng phục hồi dinh dưỡng (Ti-đa)
Phòng thư giãn, giải trí

lầu 1 Tổng hợp làm thủ tục, Ban quản trị Y tế,
Bộ phận Dược phẩm, Nội khoa, Ngoại khoa
Khoa chỉnh hình, Khoa Phong thấp
Khoa Tiết niệu, Khoa điều trị giảm cơn đau
Khoa da liễu, Nội khoa tổng hợp

診療科目

内科 外科 整形外科 泌尿器科
ペインクリニック科 皮膚科
消化器科 呼吸器科 循環器科
総合内科 リウマチ科 腎臓内科
脳神経外科 肛門科
リハビリテーション科 麻酔科

Các khoa Khám bệnh *

Nội khoa , Ngoại khoa , Khoa chỉnh hình
Khoa Tiết niệu , Khoa điều trị giảm cơn đau
Khoa da liễu , Khoa bộ tiêu hóa
Khoa Hô hấp , Khoa Tuần hoàn
Nội khoa tổng hợp , Khoa Phong thấp
Nội khoa về Nội tạng thận , Thần kinh não
ngoại khoa . Khoa Hậu môn , Khoa Phục hồi
chức năng . Khoa Gây mê phẫu thuật .

診療時間

月-金	午前	9:00 - 13:00
	午後	14:00 - 18:00
土	午前	9:00 - 13:00
日曜・祝祭日		休診

Giờ khám bệnh

Thứ hai ~ thứ sáu

Buổi sáng 9:00 ~ 13:00

Buổi chiều 14:00 ~ 18:00

Thứ bảy

Buổi sáng 9:00 ~ 13:00

Nghỉ làm vào ngày Chủ nhật
và các ngày lễ

医事課

関係者以外の
立ち入りを
禁止します。



Ban quản trị Y tế

Người không phận sự
Cấm ra vào

2C Sự khác biệt giữa Cảm cúm và Cảm thường

インフルエンザとかぜのちがい ベトナム語

	Triệu chứng của Cảm thường	Cảm Cúm
Phát sốt	Không sốt , sốt nhẹ	38~40 độ
Triệu chứng chính	Sung cuốn họng , Sổ mũi	Sốt , đau cơ , đau khớp
Cảm thấy ớn lạnh	lạnh ít	lạnh nhiều
Phát bệnh	Phát sinh từ từ	Phát sinh nhanh chóng
Đau toàn thân	Không	Rất đau
Quá trình	Ngắn nhưng kéo dài	Ngắn
Hợp các biến chứng	Ít khi có	Viêm khí quản , viêm phổi
Tình trạng phát sinh	Dịch phát tán	Dịch lan truyền

Thời kỳ lan truyền dịch Cúm

Mức cao điểm lan truyền của bệnh dịch cúm có hơi khác nhau và tùy thuộc vào hằng năm , thông thường tập trung vào khoảng cuối tháng 1 đến đầu tháng 2 . Tuy nhiên cũng có lúc lan truyền trong mùa Hè

Chích ngừa Cảm cúm

Dịch cúm có thể được ngăn ngừa bằng Vaccine , nếu có bị mắc phải thì các triệu chứng có thể giảm bớt phần nào . Bạn có thể bảo vệ mình thoát khỏi nguy cơ biến chứng và tử vong . Điều quan trọng nhất là bạn nên tạo cho cơ thể có sự đề kháng trước khi mùa dịch lan truyền , tiêm phòng trong tháng 12 là tốt nhất . Giá cả khác nhau tùy thuộc của mỗi bệnh viện , khoảng từ 2.500 yen ~ 4.000 yen .

Phòng ngừa Cảm cúm

Tránh vào các đám đông trong thời gian dịch lan truyền

Nên đeo khẩu trang khi đi ra ngoài

Nên súc miệng , rửa tay sau khi đi ra ngoài

Nên duy trì độ ẩm vừa phải

Nên ngủ đủ giấc và dinh dưỡng

Khi mắc phải Cảm cúm thì

1. Khi bị sốt thì hãy nên đi điều trị tại bệnh viện càng sớm càng tốt .
2. Nên nghỉ ngơi và ngủ đủ giấc .
3. Nên uống nước nhiều vào chẳng hạn như trà .
4. Nên ăn những món có chất dinh dưỡng và dễ tiêu hóa tốt .
5. Nếu khả nghi là mình bị mắc phải dịch cúm thì hãy đeo khẩu trang ngay và tránh đừng để lây truyền sang người khác .
6. Khi cơn sốt đã hạ nhưng vẫn phải nghỉ ngơi khoảng 1 tuần vì Virus (vi khuẩn) vẫn còn sót lại trong cơ thể .

4A-1 Cách làm đèn dầu đơn giản

簡易ランプのつくりかた ベトナム語

Đồ cần chuẩn bị : kéo , thước đo , bật lửa , ly bằng thủy tinh ,
giấy bạc , khăn giấy mỏng , cây tăm , dầu ăn thực vật .

1. Khăn giấy mỏng có 2 tờ thì tháo ra 1 tờ .
2. Gấp làm đôi lại , và lại gấp tiếp làm đôi nữa (gấp lại 4 lần)
3. Cắt thành 5 phần bằng nhau .
4. Lấy ra 1 phần đã cắt rồi trải thẳng ra , sau đó hãy chừa lại 1cm ở phần trên theo chiều đứng , phần còn lại xếp lại làm 2 .
5. Cuộn tròn giấy lại để lên lòng bàn tay , ban đầu thì xe tròn giấy thật nhẹ nhàng
6. Dần dần xe tròn giấy lại cho thật mạnh tay , xe tròn giấy cho cứng và đều tay độ khoảng 5mm để làm cốt lõi tiêm đèn
7. Ở 1 bên cắt theo đường chéo (nghiêng) .
8. Giấy bạc cắt bề ngang 3cm
9. Gấp làm 2 lại , để ngang và lại gấp tiếp làm 2 lại .
10. Hãy chừa 1cm từ viền mép giấy bạc và khoan 1 lỗ nhỏ bằng cây tăm
11. Lấy cái lõi tiêm đã được cắt xéo cho vào cái lỗ này . Nhấn giữ cho chắc xung quanh cái lõi tiêm .
12. Đan dệt giấy bạc lại để lõi tiêm đèn hướng lên trên , rồi đặt giữa trung tâm cái ly .
13. Lấy cái lõi tiêm trong giấy bạc uốn cong thành vuông góc .
14. Gấp một góc ở phần đầu của giấy bạc , rồi đặt lên thành miệng của ly (cốc)
15. Cho khoảng phân nửa dầu ăn vào ly (đừng cho vào những loại dầu khác rất là nguy hiểm)
16. Khi châm lửa , thì nâng phần giấy bạc lên lấy ra khỏi ly (cốc) rồi mới châm lửa sau đó để vào vị trí củ .

4A-2 **Cách làm nhà vệ sinh đơn giản** 簡易トイレのつくりかた ベトナム語

Đồ cần chuẩn bị : kéo , dao cắt loại mỏng , bao đựng rác ,
thùng giấy các tông , phần giấy cứng của các tông .

1. Nắp của thùng giấy các tông gấp xếp vào bên trong thùng .
2. Lấy phần có chiều dài hơn của tấm bìa cứng của thùng các tông , so với hộp xong thì cắt sẵn lần kéo theo kích thước của hộp .
3. Ở giữa thùng giấy các tông này , khoan cắt làm một lỗ thật to . Lấy phần đã cắt sẵn đặt lên làm nắp .
4. Sau đó lấy phần đã cắt sẵn kết hợp với thùng giấy và xếp vào bên trong .
5. Đặt vào trong một túi rác .
6. Trong đó lót thêm giấy báo hoặc chất khử mùi .
7. Lấy nắp đậy lại , là hoàn thành .

4 B 台風の備え Chuẩn bị khi bão đến ベトナム語

一番近い避難場所をチェック

Kiểm tra vị trí nơi gần nhất để lánh nạn .

海にはいかない

Không đi ra biển .

2 日間ほどの生活用品を用意

Chuẩn bị sẵn đồ dùng sinh hoạt trong 2 ngày .

自宅のまわりの安全チェック・片づけ

Kiểm tra , dọn dẹp an toàn xung quanh nhà .

窓に近づかない

Không nên đến gần cửa sổ .

窓に布などをしく

Trải vải bên cửa sổ

.

非常持ち出し品 Các món đồ khẩn cấp cần mang theo

衣類・運動靴

マッチ・ライター・ろうそく

ラジオ

ホイッスル

Quần áo , Giày vận động , Hộp quẹt diêm , Bật lửa , Đèn cây , Radio , Còi ,

ヘルメット・軍手

懐中電灯・電池

医薬品

貴重品

Mũ bảo hiểm , Găng tay

Đèn Pin , Cục Pin ,

Dược phẩm ,

Đồ vật quý báu

備えておくもの Các món đồ cần chuẩn bị

食料品

飲料水

缶切り

ガスコンロ

寝袋・毛布

防水布

Thực phẩm , Đồ uống , Đồ khai hộp , Lò ga mini , Túi ngủ, chăn , Vải không thấm nước

緊急カード Thẻ khẩn cấp

名前

血液型

生年月日

Họ Tên

Loại máu

Ngày tháng năm sinh

国籍

連絡先 (電話番号)

Quốc tịch

Nơi liên lạc (số điện thoại)

知り合いの連絡先

大使館・領事館の連絡先

Nơi liên lạc của người quen

Nơi liên lạc của Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán

母国の連絡先

離れ離れになったときの集合場所

Nơi liên lạc ở đất nước của bạn

Nơi tụ hợp khi bị tách rời riêng ra

緊急連絡

警察

110

消防・救急車

119

Nơi liên lạc khẩn cấp

Cảnh sát 110

Xe cấp cứu và Đội cứu hỏa 119

災害時に役立つやさしい日本語

Ngôn ngữ Nhật để hiểu trợ giúp bạn khi gặp thảm họa

あぶない！

けがをしている人がいます

Nguy hiểm！

Có người đang bị thương đây

にげて！

この辺は安全ですか？

Mau trốn đi

Ở chỗ này có an toàn không？

5. Những từ ngữ liên quan về Động đất

地震のことはベトナム語

Tâm chấn	Cường độ	Dư chấn	lánh nạn
震源 (しんげん)	震度 (しんど)	余震 (よしん)	避難 (ひなん)

Nơi lánh nạn	Đồ vật cứu trợ	Xe cấp nước
避難所 (ひなんじょ)	救援物資 (きゅうえんぶつし)	給水車 (きゅうすいしゃ)

Sóng thần	Xác nhận sự an toàn
津波 (つなみ)	安否 (あんぴ) を確認 (かくにん) する

Thiệt hại	Cúp điện	Cúp nước	Bị rò rỉ ga (hở ga)
被害 (ひがい)	停電 (ていでん)	断水 (だんすい)	ガス漏れ (もれ)

Hỏa hoạn	Chữa lửa	Phục hồi	Nhắn tin
火災 (かさい)	消火 (しょうか)	復旧 (ふっきゅう)	伝言 (でんごん) ダイアル

Bạn sẽ làm thế nào ?

1. Động đất xảy ra khi đang đi ngoài đường .
2. Động đất xảy ra khi đang lái xe .
3. Động đất xảy ra khi đang ở trên tầng 5 của tòa nhà .
4. Động đất xảy ra khi đang ở gần biển .
5. Động đất xảy ra trong lúc đang ngủ .

Đang ở nhà thì xảy ra trận động đất .

- 1.
- 2.
- 3.

Trong lúc chạy trốn

- 1
- 2

Tại nơi lánh nạn

- 1

6A こうつうじこ！ Tai nạn giao thông！ ベトナム語

くるまをうんでんしていて、くるまとぶつかったとき

Khi đang lái xe , thì xe va chạm (đụng) vào xe khác .

1. くるまをあんぜんなばしょにうごかす。

Di chuyển xe vào nơi an toàn .

2. けいさつ (110 ばん) にでんわする。

Điện thoại cho cảnh sát (số 110) .

3. けがをしたひとがいたら、1 1 9 ばんにでんわする。

Nếu có người bị thương tích thì điện thoại số 119 .

4. けいさつがしらべるまで、はなれない。(ひきにげになる)

Nên đợi cảnh sát điều tra xong , đừng rời xa hiện trường . (kéo mang tội bỏ trốn)

5. あいてのじゅうしょ、なまえ、でんわばんごうをメモする。

Hãy ghi chép địa chỉ , họ tên , số điện thoại của đối tượng .

6. じぶんのほけんがいしゃにでんわする。

Điện thoại gọi cho công ty bảo hiểm của bạn .

7. ほけんがいしゃのアドバイスをきく。

Hãy lắng nghe lời hướng dẫn của công ty bảo hiểm .

あるいていて、くるま、バイク、じてんしゃにぶつかったとき

Khi đang đi bộ , mà va chạm (đụng) phải xe hơi , xe máy , xe đạp

1. あいてのじゅうしょ、なまえ、でんわばんごう、くるまのばんごうをかくにんする。

Hãy xác định địa chỉ , họ tên , số điện thoại , số xe của đối tượng .

2. けいさつ (110 ばん) にでんわする。

Điện thoại cho cảnh sát (số 110) .

3. けいさつがしらべるまで、はなれない。

Nên đợi cảnh sát điều tra xong , đừng rời xa hiện trường .

4. あたまをうったり、けがをしたときは、びょういんへいって、しんだんしょをもらう。

Khi bị va chạm vào đầu hay bị thương tích thì hãy nên đi đến bệnh viện khám và xin giấy chứng nhận bệnh trạng

5. あいてのほけんがいしゃとれんらくをとる。

Liên lạc với công ty bảo hiểm của đối tượng .

きょうせいほけんとにんいほけん

Bảo hiểm bắt buộc và bảo hiểm tự nguyện .

きょうせいほけん・・・ひとのけが+しんだとき。

Bảo hiểm bắt buộc ---- gây thương tích cho người + lúc chết

にんいほけん・・・ひとのけが+しんだとき+あいてのくるまのしゅうりのおかね

Bảo hiểm tự nguyện --- gây thương tích cho người + lúc chết + chi phí sửa chữa xe của đối tượng .

(そのほかにもいろいろサービスがあります)

(ngoài ra còn có nhiều dịch vụ khác)

6B おとしもの Khi đánh mất đồ ベトナム語

遺失	Tổn thất	紛失	Thất lạc	落とし物	Đánh rơi mất đồ
遺失物	Đồ bị mất				
遺失届出書	Đơn trình báo đồ bị mất	遺失届	Trình báo đồ bị mất		
遺失者	Người bị mất đồ				
遺失日時	Ngày giờ bị mất đồ				
遺失場所	Nơi bị mất đồ				
物件	Vật kiện				
現金	Hiện kim (tiền mặt)	内訳	Phân loại		
		1 万円札	Tờ 10 ngàn yen	枚	mấy tờ
		.			
		.			
物品	đồ vật				
種類	loại				
			Cặp táp , túi xách ba lô , ví nhỏ , bóp		
			Sách vở , điện thoại di động , máy vi tính , cây dù che mưa		
特徴等	Đặc điểm	形状	Hình dạng		
			Kích thước , màu sắc , chất liệu		
			Họa văn : chấm tròn , sọc caro , vải trơn ,		
			mặt vải có hoa , sọc ngang		
			Chất lượng : hàng thương hiệu , đồ trang sức		

Khi bị mất đồ thì bạn làm thế nào ?

1. Bằng lái xe
2. Thẻ lưu trú , thẻ đăng ký ngoại kiều
3. Điện thoại di động
4. Thẻ ngân hàng
5. Thẻ tín dụng

Nếu bạn muốn có một giấy chứng nhận khai báo bị mất tài sản thì bạn phải đến trình báo tại bàn thủ quỹ của trạm cảnh sát ở YOGI – NAHA (9:30 ~ 18:00)

7A Những việc có thể làm được tại bưu điện ベトナム語



nihon yuubin Bưu Điện Nhật Bản

Công việc của Bưu điện là Gửi hành lý và Thư từ

- 切手・はがきの販売 Bán Tem và Bưu thiếp .
- 年賀状のサンプル Hàng mẫu của bưu thiếp tết
- ゆうパックをだす Gửi một bưu kiện theo dạng Yu-Pack .
- 小包をだす Gửi một bưu kiện nhỏ .
- 国際郵便(EMS など)□ Gửi thư quốc tế (như EMS)
- 再配達を申し込む Nộp đơn xin giao hàng trở lại .
- 郵便番号をしらべる□ Kiểm tra lại mã bưu chính (số hộp thư của vùng) .



yuucho ginkou Ngân hàng Bưu Điện

Công việc của Ngân hàng Bưu điện

ATM Máy rút tiền

貯金	Gửi tiền tiết kiệm
送金	Gửi tiền
振込み	Chuyển ngân



kampo seimei Bảo hiểm Kampo

Công việc của Bảo hiểm Kampo

- 学資保険 Bảo hiểm Chi phí học hành
- 定期保険 Bảo hiểm Định kỳ
- 養老保険 Bảo hiểm Dưỡng lão

Bài tập

1. Bạn hãy cho biết 3 điều mà bạn có thể làm được ở Bưu điện .

1)

2)

3)

2. Bạn hãy cho biết 3 điều mà bạn có thể làm được ở Combini .

1)

2)

3)

しゅくだい

1 ゆうびんきょくで できることを、3つしらべてください。

1)

2)

3)

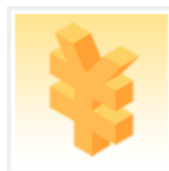
2 コンビニで できることを、3つしらべてください。

1)

2)

3)

7B Những việc có thể làm được tại Cửa hàng Combini (Convenience Store)



Tại cửa hàng



コンビニ ATM

Rất tiện lợi khi bạn cần tiền gấp ! Bạn có thể rút tiền bằng thẻ qua máy ATM



COPY・FAX

Khi đi ra ngoài mà có việc cần phải Copy hoặc gửi và nhận Fax



Hình ảnh chứng minh

Chụp hình một cách dễ dàng để sử dụng cho tờ khai lý lịch hoặc Hộ chiếu .



Quầy tính tiền



Chuyển phát nhanh .

Khi muốn gửi đồ vật gì thì sẽ gửi được ngay .



Dịch vụ hình ảnh .

In rửa phim ảnh kỷ niệm đáng nhớ .

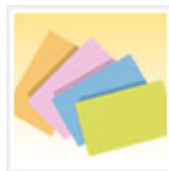
Thanh toán các loại hóa đơn .

Có thể trả tiền bất cứ lúc nào chẳng hạn như phí Điện, Nước hoặc mua sắm qua Internet.



Tem • Bưu thiếp (Hagaki).

Có bán Tem và Bưu thiếp (Hagaki)



Có bán các loại thẻ (Card)

Có thể mua các loại thẻ Telephone , thẻ Kuo , thẻ Prepaid .



Cửa hàng có những dịch vụ:

Có thể nhận lấy hàng khi bạn đăng ký mua qua EC site trong các mục Amazon , Rakuten books , E-Book v.v...



Cách thức lựa chọn số xổ số :

Có thể mua dễ dàng các loại vé số như Numbers 3 • 4 , Miniloto , Lotto 6 .



Các dịch vụ khác

Có bán những giấy vé dùng để xử lý cho các loại rác phế thải to lớn .

8 Câu Đố ○ × Về Cách Bỏ Rác ゴミクイズ ベトナム語

1. ゴミの^{くるま}車のオルゴールの^{おと}音が^き聞こえたら^{ごみ}ゴミを^だ出す。

Khi nghe tiếng âm nhạc của xe rác đến mới đem rác ra bỏ .

2. どんなものも ゴミに^だせる。Bất cứ rác nào cũng đem ra bỏ được .

3. ゴミのふくろのくちは、かならずとじる。

Miếng của bao rác cần phải cột chặt chẽ .

4. テレビはそだいゴミだ。Tivi là rác to công kênh .

5. 新聞紙^{しんぶんし}は、ふくろに^だいれて出す。Giấy báo cho vào bao rồi đem ra bỏ rác .

6. お米^{こめ}のダンボールとふつうのダンボールは^だいっしょに出せない。

Thùng giấy đựng gạo và thùng giấy thường không được bỏ rác chung

7. もうふは、^{しげん}資源^{ごみ}ゴミだ。Chăn mền là rác tài nguyên tái chế lại được .

8. ふくろの^{くち}口がしまらないとき、もう一枚^{いちまい}のふくろを^{うへ}上からかぶせればいい。

Khi bao rác không cột lại được thì lấy thêm 1 bao khác đây úp từ trên xuống cũng được .

9. ビンになかみがのこっていても、ふたをしていればだしてもいい。

Trong chai vẫn còn sót lại nước , nhưng đây nắp lại rồi bỏ rác cũng được .

10. 雨^{あめ}の^ひ日は、紙^{かみ}の^{しげん}資源^{ごみ}ゴミは^だ出せない。

Vào ngày mưa , rác giấy dùng để tái chế thì không được bỏ ra .

11. 車^{くるま}のタイヤは、もやさないゴミの^ひ日^だに出す。

Bánh xe hơi (lốp ô tô) là bỏ vào ngày rác không cháy .

12. ライターと割^われたガラスはひとつのふくろに^だいれて出す。

Bật lửa và thủy tinh vỡ cùng cho chung vào một bao bỏ rác .

13. 油^{あぶら}のボトルは、ペットボトルと^だいっしょに出す。

Các bình nhựa và bình đựng dầu cùng bỏ rác chung .

14. スプレーの^ひカン^だは、きけんゴミの日に出す。

Bình keo xịt tóc , là rác bỏ vào ngày rác nguy hiểm .

15. あなが^{したぎ}あいた下着^{なま}は、生^だゴミと^だいっしょに出す。

Đồ áo lót bị rách , là rác bỏ chung với rác hỗn tạp từ những thức ăn .

Câu đố O · X và câu gợi ý trả lời .(ヒント)

Q:1 Khi nghe nhạc báo hiệu của xe rác rồi mới đem rác ra bỏ ? A: ×

Hãy nên bỏ rác vào buổi sáng 8:30 của những ngày đã cố định . xe rác khi đến khg nhất thiết là ngàygiờ nào cũng giống với nhau .khi nghe nhạc báo hiệu của xe rác rồi mới đem rác ra thì sẽ xảy ra trường hợp bị chậm trễ .

Q:2 · 11 Bất cứ rác gì ở trong nhà cũng đều bỏ ra được ? A: ×

Có một số không thể thu nhập được . Đồ vật nặng quá trọng lượng (như Piano , bồn chứa nước trên sân thượng) Là điều gây khó khăn trong quá trình ép nén (như lốp xe , miếng đệm có lò xo) Một số có chất độc hại , chất nổ , chất dễ cháy , chất ăn mòn (như bình xát điện , bình chữa lửa , các loại dầu thải , sơn ...) và có những đồ chứa những độc hại khác (như loại Pin hạt nút)

Q:3 · 8 Các bao rác đã được chỉ định như là Rác đốt cháy và Rác không cháy , khi bỏ rác ra thì bắt buộc phải cột chặt miệng bao lại ? A: O

Miệng bao rác không cột chặt lại thì xe rác sẽ không mang đi . Rác tràn đầy ra khỏi miệng bao , rác quá to công kênh quá cỡ hoặc sử dụng 2 bao lấy bao trùm lên trên bao dưới những loại như vậy thì xe rác sẽ không mang đi .

Q:4 Tivi (máy truyền hình) là loại rác to lớn công kênh ? A: ×

Tivi là đồ điện sử dụng trong gia đình nó được quy định theo luật Tái chế điện dụng gia đình , vì vậy không coi đó là rác thường nên xe rác sẽ không mang đi . Hãy liên lạc với cửa hàng bán đồ điện . Ngoài ra còn có như máy giặt , tủ lạnh , máy điều hòa không khí .

Q:5 · 10 Giấy báo là tài nguyên tái chế , trời mưa không thể để bị ướt nên bỏ vào bao và mang ra bỏ rác ? A: ×

Không nên đem ra bỏ vào ngày mưa . Nếu cho vào bao thì lo sợ rằng sẽ có nguy cơ ô nhiễm và làm cản trở cho việc tái chế , hãy lấy dây cột chặt lại và bỏ vào ngày không mưa .

Q:6 Giấy gói đồ trang trí cho gạo và thùng các tông thì không bó riêng ra từng loại là bỏ ra không được ? A: O

Thùng các tông và giấy hoa gói đồ là loại khác biệt lẫn nhau , hãy nên bó riêng từng bó rồi mang ra bỏ .

Báo chí - tờ rơi , thùng các tông , giấy hộp sữa tươi , các loại sách - tạp chí (sách - tạp chí - giấy hoa gói đồ - tập vở ghi chép) 4 loại này nên bó riêng ra .

Q:7 • 13 • 15 Chăn mền là tài nguyên tái chế ? A: ✕

Chăn mền và rèm cửa (màn) thì cho vào bao rác chỉ định là rác đốt cháy . Không thể nào bỏ theo dạng rác tài nguyên tái chế lại . Quần hay đồ lót thì cũng không phải là tài nguyên tái chế , mà là rác cháy . Loại bình nhựa đựng dầu ăn cũng là loại rác đốt cháy .

Q:9 • 14 Các chai bình hoặc lon còn nước hay có tàn thuốc lá bên trong mang ra bỏ theo dạng tài nguyên tái chế lại cũng được . A: ✕

Rất khó cho việc tái chế . Tài nguyên tái chế sẽ trở thành vô dụng vì bị trộn lẫn những loại khác vào . Xin đừng lấy lon trống dùng làm gạt tàn thuốc . Lon xịt (spray) thì cùng bỏ chung với rác tài nguyên tái chế

Q:12 Bật lửa và thủy tinh vỡ cùng cho chung vào một bao rác . A: ✕

Thủy tinh , kính bị vỡ sẽ làm cho người thu nhặt rác bị thương , hãy lấy giấy báo cuộn tròn lại bỏ vào bao nilon trong suốt và ghi chữ 『nguy hiểm 』 . bật lửa thì để riêng , cục pin thì để riêng và cũng bỏ vào bao nilon trong suốt để mang ra bỏ rác .

Q: Thêm một câu hỏi nữa là về rác to lớn cống kênh thì điện thoại đăng ký ở ban Xúc tiến làm sạch (kurin Suishin Ka) , sau đó sẽ có số biên nhận tốn 300 yen với thẻ xử lý , điền vào dán lên rác to cống kênh mang ra bỏ vào ngày được chỉ định ? A: O

Điều đó là đúng . Cách một tuần sau khi tiếp nhận đăng ký , rác sẽ được thu hồi .

9 印鑑登録 ĐĂNG KÝ MẪU DẤU ベトナム語

Chính cá nhân là người duy nhất được đăng ký

Lúc nào mới cần thiết đến giấy chứng minh con dấu ?

- Khi mua Tài sản , khi bán , chuyển nhượng , cho thuê , cho mượn về (đất đai , tòa nhà , Mansion , xe hơi , xe gắn máy)
- Khi làm giấy công chứng .
- Khi thừa kế di sản .
- Ngoài ra , có nhiều trường hợp khác .

Khi đóng dấu chứng thực cho những giấy tờ như trên , để chứng minh về con dấu thì phải đính kèm theo giấy chứng nhận của con dấu .

Dấu Chứng thực ... con dấu đã được đăng ký . Dấu bình thường ... mua được ngay

【Người có thể đăng ký】 Công dân trên 15 tuổi có đăng ký là Cư dân .

【Giấy tờ cần thiết】 ①Đơn xin đăng ký mẫu dấu

②Thẻ chứng minh nhân dân có hình (như bằng lái xe)

③Lệ phí đăng ký (300 yen)

④Mẫu dấu cần đăng ký

Mẫu dấu không đăng ký được

- (1) Không phải là tên của chủ nhân
- (2) Kể cả những tên có liên quan đến nghề nghiệp
- (3) Làm bằng vật liệu dễ bị biến dạng như cao su , nhựa v.v...
- (4) Không có đường viền hoặc bị vỡ bể
- (5) Con dấu đã làm sẵn thường bán (san mon ban)
- (6) Kích cỡ quá lớn (trên 25mm) , quá nhỏ (dưới 8mm)

syotai mihon insyuu dentou kuogeishi niyoru sakuhin desu

書体見本 【印匠】 伝統工芸士による作品です



印相体

insoutai



テン書体

tensyotai



古印体

kointai



行書体

gyousyotai



楷書体

kaisyotai



隷書体

reisyotai

Phái nam đa số thường khắc đầy đủ cả họ lẫn tên thì nhiều còn phái nữ phần đông thì thường thay đổi về họ rất nhiều nên hầu như chỉ khắc tên không mà thôi

Thẻ Công dân Naha



Khi đã đăng ký mẫu dấu rồi thì qua bộ máy phân phối tự động bạn có thể nhận lấy được giấy chứng nhận “ thẻ Công dân Naha ” vào ngày thứ bảy và chủ nhật .

Đăng ký mẫu dấu của người nước ngoài thì chỉ có ở Tổng trụ sở ban Công dân chúng mà thôi .

Nơi có bộ máy phân phối tự động cấp giấy chứng minh

Địa điểm	Naha Shiyakusho (1F)	AMeku Ryubo (1F)	Shuri Ryubo (1F)	Ion Naha Ten (1F)	Paletto Kumoji (1F)	Ko-pu Kokuba ten (1F)
Thời gian	8:30AM~ 7:00PM 1/4~12/30	9 : 00AM~10 : 00PM 1/4~12/30				
Nhận được các loại giấy chứng minh	(1) Bản sao nơi cư trú (2) Giấy chứng nhận đăng ký con dấu (3) Giấy chứng nhận về thuế má					
Người có thể sử dụng	là người có thẻ 『công dân Naha』 và đã có đăng ký ấn số (ám số) khi sử dụng qua dịch vụ					

9A Khám Phá ION (JUSCO) ! ベトナム語

1. いちばん^{たか}高い^{しょうひん}商品はなんですか？

Mặt hàng nào đắt tiền nhất ?

2. いちばん^{おお}大きい^{しょうひん}商品はなんですか？

Mặt hàng nào to lớn nhất ?

3. ワオンカードはどんなカードですか？

Thẻ Wa On là thẻ như thế nào ?

4. ATMは、いくつありますか？

Máy ATM có bao nhiêu cái ?

5. エレベーターはいくつありますか？

Thang máy có bao nhiêu cái ?

6. あなたの^{くに}国でつくったものを売っていますか？

Ở đây có bày bán món hàng nào sản xuất từ quốc gia của bạn không ?

7. この^{しゃしん}写真^{おな}と同じものをさがしてください。

なんかいの、どこの うりばに ありますか？

Hãy tìm kiếm những đồ gì giống như trong bức ảnh này .

Bày bán ở đâu , ở tầng lầu nào ?

8. ^{にほんご}日本語でなんといえますか？ いくらですか？

Tiếng Nhật gọi là gì ? giá tiền là bao nhiêu ?

10B Đàm thoại trong Nhà Hàng レストラン ベトナム語

Nhân viên : Xin chào , xin cho biết có bao nhiêu người ?

Khách : Có hai người .

Nhân viên : Xin mời vào chỗ này

Nhân viên : Đã quyết định chọn món gì chưa ạ ?

Khách : Vâng , cho Bia đi .

Nhân viên : Bia tươi hay Bia chai vậy ?

Khách : Cho hai Bia tươi

Nhân viên : Vâng ạ

Khách : cho tiếp Sashimi moriawase (Cá sống đủ loại)
và Yaki tori (thịt gà xiên nướng)

Nhân viên : Yaki tori với vị muối hay vị nước chấm ạ ?

Khách : Cho vị nước chấm .

Nhân viên : Dạ vâng ạ . Những món vừa đặt vậy là xong rồi phải không ạ ?

Khách : Vâng , tạm thời cho những món này nhé .

Nhân viên : Dạ xin cho xác nhận lại . Bia tươi 2 cái , Sashimi moriawase ,
Yaki tori với vị nước chấm mỗi thứ 1 cái vậy có đúng không ạ ?

Khách : Đúng rồi .

Nhân viên : Dạ vâng ạ . Xin đợi trong chốc lát ạ .

Từ thường dùng .

定食 (テイシヨク) Phần cơm cố định

バイキング Bufffet (Búp phê)

アレルギー Dị ứng

ベジタリアン Cơm chay (toàn các loại rau)

会計 (かいはい) (おあいそ) Thanh toán tiền

割り勘 (わりかん) Cách phân ai nấy trả tiền

おごる (ごちそうする) Chiêu đãi , khao bạn bè

おごられる (ごちそうになる) Được khao .

10 Vé giảm giá trong đảo Okinawa 割引切符 ベトナム語

Khu vực và Công ty bán vé	Tên gọi	Giá tiền	Thông tin tóm tắt
YUI RAIL Xe điện treo	Vé dùng 1 ngày	600 円	Xe Điện Treo (Mono Rail) được sử dụng không giới hạn từ 24 tiếng ~ 72 tiếng . Có các dịch vụ giảm giá tại một số các cơ sở du lịch . Xe buýt số 8 (trạm Omoromachi⇌Higashi Ishimine) được giảm giá 20 yen cho 1 chiều .
	Vé dùng 2 ngày	1000 円	
	Vé dùng 3 ngày	1400 円	
	GAN JU Vé dùng 1 ngày	300 円	Người trên 70 tuổi là công dân NaHa được giảm nửa giá cho vé dùng trong 1 ngày vào các ngày lễ , ngày tưởng niệm
	Vé OTONARI	100 円	Giá vé đến trạm kế tiếp của người lớn là 100 yen , trẻ em là 50 yen .
	Vé ODEKAKE	100 円	Sẽ được sử dụng riêng vào ngày thứ bảy nghỉ cho 4 người cùng đồng hành và di chuyển cùng khoảng cách cho những người có mua sẵn vé định kỳ thì giá vé của người lớn là 100 yen , trẻ em là 50 yen .
NAHA BUS Xe buýt Naha	Vé Hộ chiếu Dùng không giới hạn trong 1 ngày	660 円	 Vé sử dụng không giới hạn cho 1 ngày khi sử dụng xe buýt NaHa và di chuyển trong thành phố Naha .
	BUS MONO BUS	1000 円	Vé sử dụng không giới hạn cho 1 ngày của xe buýt NaHa và Xe Điện Treo (Mono Rail) cho toàn tuyến di chuyển trong thành phố NaHa .
	KARIYUSHI Dành cho tuổi 65	6600 円	Vé sử dụng không giới hạn cho 1 tháng của xe buýt NaHa di chuyển trong nội thành phố NaHa dành cho người trên 65 tuổi sinh sống ở Okinawa
Xe buýt NaHa , Xe Ryukyu Basu Kotsu	Vé miễn phí giới hạn cho ngày thứ bảy , Chủ nhật , ngày lễ	2000 円	 Xe buýt NaHa , xe Ryukyu Basu Kotsu vận chuyển toàn tuyến sẽ được sử dụng không giới hạn vào ngày thứ bảy , chủ nhật , các ngày lễ (trừ xe buýt Cao tốc số 111) . Xe Ryukyu Basu Kotsu và xe Okinawa Basu sử dụng được vì có hợp tác vận chuyển cùng tuyến đường (xe số 27 và 227 thì cả hai công ty có vận hành nhưng không cùng hợp tác nên xe Okinawa Basu không sử dụng được) . Có thể mua từ 1 tháng trước ngày sử dụng .

Xe Ryukyu Basu Kotsu Xe buýt Okinawa Xe buýt ToYo Xe buýt NaHa	Chủ nhật , ngày lễ Gia đình được giảm giá	-	Trong hòn đảo chính của Okinawa có các hệ thống số chạy cùng lộ tuyến (trừ xe buýt Cao tốc 111) thì vào ngày chủ nhật , ngày lễ , người lớn đi cùng với trẻ em dưới tuổi tiểu học , trường hợp trả tiền vé bằng tiền mặt thì 1 người lớn đi cùng với 3 trẻ em thì các trẻ em này được miễn phí .
	Vé miễn phí dùng trong Tuần lễ vàng (Golden Week)	1000 円	 Hàng năm , hạn định vào mùa lễ tuần lễ Vàng (Golden Week) và mùa Thu ngày lễ dành cho xe buýt (20 tháng 9) , trong hòn đảo chính của Okinawa các hệ thống số chạy cùng lộ tuyến sẽ được phát hành
	Vé miễn phí dùng trong ngày xe buýt	1000 円	vé vận chuyển toàn tuyến và sử dụng không giới hạn cho 2 ngày (trừ xe buýt Cao tốc 111) .

12 Tìm việc làm しごとをさがす ベトナム語

Nhân viên cửa hàng : Dạ đây là quán nhậu tên là A I U E O

Maria : A lô a lô , tôi đã xem các tin tức về công việc làm thêm , cho hỏi là có còn tuyển dụng không ạ ?

Nhân viên cửa hàng : Công việc loại nào đấy ạ ?

Maria : Là công việc rửa bát đĩa từ 5 giờ chiều đến 9 giờ tối đấy ạ .

Nhân viên cửa hàng : Xin lỗi , anh (chị) là người của quốc gia nào vậy ?

Maria : Là người Philippin . Lập gia đình và đến Nhật bản . Là người Ngoại quốc có thể xin làm được không ?

Nhân viên cửa hàng : Không có vấn đề gì cả , người nào làm việc chăm chỉ thì người của quốc gia nào cũng hoan nghênh cả . Hãy đến phỏng vấn một lần nhé .

Maria : Dạ . Cám ơn . Vậy thì hôm nay đi có được không ?

Nhân viên cửa hàng : Hôm nay thì đã tới giờ mở cửa hàng rồi , không thể được .

Ngày mai 3 giờ thì thế nào ?

Maria : Ngày mai 3 giờ . Dạ hiểu rồi . Cần phải mang theo cái gì ạ ?

Nhân viên cửa hàng : Hãy mang đến tờ khai lý lịch có dán hình và photo copy hộ chiếu

Maria : Dạ sẽ mang theo tờ khai lý lịch và hộ chiếu . Dạ xin cho cám ơn trước .

Sơ Yếu Lý Lịch

Họ và Tên :	Năm	Tháng	Ngày	(hiện tại)
	đóng dấu			dáng hình
Năm sinh :	năm	tháng	ngày	(tròn tuổi) Nam • Nữ C
Địa chỉ hiện tại :				
Nơi liên lạc :	(nếu cùng giống như ghi ở trên thì ghi (như trên))			

Hãy tóm tắt thật rõ ràng và ghi riêng biệt ra về lý lịch học vấn và nghề nghiệp .

Lý lịch học lực

Showa	Heisei	Năm	Tháng	Giỏi về môn học	Tình trạng sức khỏe
Showa	Heisei	Năm	Tháng	Sở thích , Năng khiếu	Nguyện vọng

Lý lịch nghề nghiệp

Showa	Heisei	Năm	Tháng	Sở thích về môn thể thao	
Showa	Heisei	Năm	Tháng	Ghi nguyện vọng của chính bản thân	
Họ và Tên người trong gia đình				Giới tính	Tuổi

Trình độ chuyên môn - Giấy phép

Showa	Heisei	Năm	Tháng	Giờ giấc đi làm	Người phụ thuộc gia đình
				Vợ - Chồng (có – không)	
Có nhiệm vụ nuôi người phụ thuộc của Vợ - Chồng (có - không)					